TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-PT
Ngày 16 - 01 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám
Các Thẩm phán: Ông Châu Văn Mỹ
Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trang Thanh Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 105/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Lê Chí H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2019/HSST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Chí H**, sinh ngày 12/6/1989 tại Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp 2, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha là Lê Quang N, sinh năm 1959 và mẹ là Lê Ánh T, sinh năm 1960; năm 2009, chung sống như vợ chồng với Phạm Ngọc N, sinh năm 1993 và năm 2016 có vợ là Mai Kiều L, sinh năm 1993 (đã ly hôn) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Chí Đ1, sinh năm 1962, địa chỉ: ấp XA, xã A, huyện B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Ông Trần Xuân Đ2, sinh năm 1969, địa chỉ: ấp XB, xã A, huyện B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Ngoài ra, còn có 05 bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị, 19 bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến ngày 13/3/2019, sau khi quen biết, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Hoàng N2, Sơn L, Thạch Ngọc N1, Thạch T2, Lê Duy K cùng nhau chuẩn bị công cụ, phương tiện gồm: thức ăn tôm, chài, vỏ, xe mô tô, vỏ máy; từng người có ý thức thăm dò xác định nơi trộm, khi vào ao tôm thì phân công người canh giới, người thả thức ăn, người chài, người mang tôm ra ngoài, sau khi trộm được tôm thì giao cho N2 bán hoặc N2 trực tiếp thu mua. Thực hiện theo kế hoạch đã được định sẵn, T1, L, N1, N2, T2, K đã nhiều lần trộm cắp tôm sú, tôm thẻ trên các địa bàn huyện B và Đ, tỉnh Bạc Liêu. Trong quá trình thực hiện N2 còn rủ Lê Chí H cùng tham gia ba lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ, ngày 08/3/2019, sau khi Nguyễn Hoàng N2 rủ Lê Chí H chở phụ người, H biết cả nhóm đi trộm và đồng ý. Nguyễn Văn T1, Sơn L, Thạch Ngọc N1, Nguyễn Hoàng N2, Lê Chí H sử dụng xe biển số 51M4-5488 của N2, xe 94B1-326.52 của H và công cụ đến khu vực ấp XA, xã A, huyện B, tỉnh Bạc Liêu để T1, L, N1 vào ao tôm của ông Nguyễn Chí Đ1 (cách lộ khoảng 200m) trộm được 68 kilôgam tôm sú, loại 32 con. Sau đó N2 và N1 mang tôm đến thành phố L bán (không xác định được) được 6.500.000 đồng, chia đều 04 người, mỗi người 1.500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng thì N2 cho H. Ông Đ1 yêu cầu bồi thương theo pháp luật.

Kết luận định giá số 12 ngày 06 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá huyện B xác định tôm sú loại 32 con: 160.000 đồng x 68kg = 10.880.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 22 giờ, ngày 10/3/2019, Nguyễn Văn T1, Sơn L, Thạch Ngọc N1, Nguyễn Hoàng N2, Lê Chí H sử dụng xe biển số 51M4-5488 của N2, xe 94B1-326.52 của H và công cụ đến khu vực ấp XA, xã A, huyện B, tỉnh Bạc Liêu để T1, L, N1 mang công cụ đi đến ao tôm của ông Trần Xuân Đ2 (cách khoảng 500m) thuộc ấp XB, xã A trộm được 80 kilôgam tôm sú, loại 33 con. Sau đó N2 thu mua giá 7.200.000 đồng, chia 04 người, mỗi người 1.500.000 đồng, N2 cho H 500.000 đồng, còn lại 700.000 đồng để nhậu. Ông Đ2 yêu cầu bồi thương theo pháp luật.

Kết luận định giá số 17 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá huyện B xác định tôm sú loại 33 con: 150.000 đồng x 80kg = 12.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 22 giờ, ngày 13/3/2019, Nguyễn Văn T1, Sơn L, Thạch Ngọc N1, Nguyễn Hoàng N2, Lê Chí H sử dụng xe biển số 51M4-5488 của N2, xe 94B1-326.52 của H và công cụ đến khu vực ấp XA, xã A, huyện B, tỉnh Bạc Liêu để T1, L, N1 mang công cụ đi đến ao tôm của ông Trần Xuân Đ2 (cách khoảng 500m) thuộc ấp XB, xã A trộm được 30 kilôgam tôm sú, loại 33 con. Sau đó N2 mua tôm giá 2.100.000 đồng, chia đều 04 người, mỗi người 400.000 đồng, còn lại N2 cho H 500.000 đồng. Ông Đ2 yêu cầu bồi thương theo pháp luật.

Kết luận định giá số 17 ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng định giá huyện Hòa Bình xác định tôm sú loại 33 con: 150.000 đồng x 30kg = 4.500.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2019/HSST ngày 14/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T1 Sơn L, Thạch Ngọc N1, Nguyễn Hoàng N2, Thạch T2, Lê Duy K, Lê Chí H phạm tội "*Trộm cắp tài sản".* Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Chí H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo khác, về bồi thường thiệt hại, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, từ ngày 27/11/2019, bị cáo Lê Chí H kháng cáo yêu cầu hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm tranh luận: Sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo phạm tội hai lần trở lên nhưng cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 09 tháng tù là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhưng không có kháng cáo, kháng nghị tăng nặng hình phạt do đó cấp phúc thẩm không xem xét làm bất lợi cho bị cáo. Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của HĐTP TANDTC thì bị cáo "Phạm tội nhiều lần" là trường hợp không cho hưởng án treo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Tuy nhiên, xem xét phần trách nhiệm trong vụ án, nhận thấy án sơ thẩm tuyên buộc các bị cáo bồi thường cho từng bị hại là đúng, nhưng khi cộng lại tổng số tiền còn lại phải bồi thường là chưa chính xác, chưa đủ số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho các bị hại, từ đó dẫn đến án phí chưa đúng, mặc khác án sơ thẩm còn nhận định Chi cục thi hành án dân sự huyện B quản lý số tiền các bị cáo khác hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Văn T1 là 3.200.000đ, hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Hoàng N2 6.699.900đ là không chính xác, không có căn cứ. Vì Chi cục thi hành án dân sự huyện B chỉ quản lý số tiền bị cáo Lê Chí H hoàn trả cho bị cáo T1 là 1.066.700đ và hoàn trả cho bị cáo N2là 2.233.300đ (hai bị cáo Sơn L và Thạch Ngọc N1 chưa bồi thường nên Chi cục Thi hành án huyện B không thể quản lý). Hơn nữa, án sơ thẩm tuyên trả lại cho bị cáo Lê Chí H số tiền 24.000.000đ là không chính xác. Vì số tiền còn dư ra của bị cáo H sau khi bồi thường xong chỉ là 24.000đ. Do không có kháng cáo, kháng nghị nội dung này, nên cấp phúc thẩm không thể sửa án làm xấu đi tình trạng của các bị cáo, nhưng nếu không xem xét giải quyết thì sẽ không đảm bảo cho việc thi hành án. Vì vậy, cần phải hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2019/HSST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, về phần trách nhiệm dân sự để xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến ngày 13/3/2019, các bị cáo Nguyễn Văn T1, Sơn L, Thạch Ngọc N1, Nguyễn Hoàng N2, Thạch T2, Lê Duy K, Lê Chí H có thỏa thuận, phân công nhiệm vụ cụ thể đã liên tục 21 lần trộm cắp tôm trên địa bàn huyện B, huyện Đ thuộc tỉnh Bạc Liêu. Trong đó, bị cáo Lê Chí H tham gia ba lần với tổng số tiền chiếm đoạt là 27.380.000đ, cụ thể như sau: Lần thứ thứ nhất vào khoảng 22 giờ, ngày 08/3/2019, sau khi Nguyễn Hoàng N2 rủ Lê Chí H chở phụ người, H biết cả nhóm đi trộm và đồng ý. Nguyễn Văn T1, Sơn L, Thạch Ngọc N1, Nguyễn Hoàng N2, Lê Chí H sử dụng xe biển số 51M4-5488 của N2, xe biển số 94B1-326.52 của H và công cụ đến khu vực ấp X A, xã A, huyện B, tỉnh Bạc Liêu để T1, L, N1 vào ao tôm của ông Nguyễn Chí Đ1 (cách lộ khoảng 200m) trộm được 68 kilôgam tôm sú, loại 32 con. Sau đó N2 và N1 mang tôm đến thành phố L bán (không xác định được) được 6.500.000 đồng, chia đều 04 người, mỗi người 1.500.000 đồng, còn lại 500.000 đồng thì N2 cho H. Ông Điền yêu cầu bồi thương theo pháp luật, qua giám định 68kg tôm sú, loại 32 con có giá 10.880.000 đồng. Lần thứ hai vào khoảng 22 giờ, ngày 10/3/2019, Nguyễn Văn T1, Sơn L, Thạch Ngọc N1, Nguyễn Hoàng N2, Lê Chí H sử dụng xe biển số 51M4-5488 của N, xe biển số 94B1-326.52 của H và công cụ đến khu vực ấp XA, xã A, huyện B, tỉnh Bạc Liêu để T1, L, N1 mang công cụ đi đến ao tôm của ông Trần Xuân Đ2 (cách khoảng 500m) thuộc ấp XB, xã A trộm được 80 kilôgam tôm sú, loại 33 con. Sau đó N2 thu mua giá 7.200.000 đồng, chia 04 người, mỗi người 1.500.000 đồng, N2 cho H 500.000 đồng, còn lại 700.000 đồng để nhậu. Ông Đ2 yêu cầu bồi thương theo pháp luật, qua giám định 80kg tôm sú, loại 33 con có giá 12.000.000 đồng. Lần thứ ba vào khoảng 22 giờ, ngày 13/3/2019, Nguyễn Văn T1, Sơn L, Thạch Ngọc N1, Nguyễn Hoàng N2, Lê Chí H sử dụng xe biển số 51M4-5488 của Nam, xe biển số 94B1-326.52 của H và công cụ đến khu vực ấp XA, xã A, huyện B, tỉnh Bạc Liêu để T1, L, N1 mang công cụ đi đến ao tôm của ông Trần Xuân Đ2 (cách khoảng 500m) thuộc ấp XB, xã A trộm được 30 kilôgam tôm sú, loại 33 con. Sau đó N mua tôm giá 2.100.000 đồng, chia đều 04 người, mỗi người 400.000 đồng, còn lại N2 cho H 500.000 đồng. Ông Đ2 yêu cầu bồi thương theo pháp luật, qua giám định 30kg tôm sú, loại 33 con có giá 4.500.000 đồng, là có xảy ra trên tực tế.

[2] Hành vi của bị cáo Lê Chí H giúp sức tham gia cùng các bị cáo N2, T1, L, N1 lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác do bị cáo thực hiện nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Bản án sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến tài sản nhiều người, làm cho quần chúng nhân dân không an tâm lao động, sản xuất,làm mất an ninh trật tự địa phương nên cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội. Theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự có quy định hình phạt tù 02 năm đến 07 năm, Bản án sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 09 tháng tù là ở dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là nhẹ. Bị cáo phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo yêu cầu hưởng án treo của bị cáo mà có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Về trách nhiệm dân sự, án sơ thẩm đã tuyên đối với số tiền bồi thường thiệt hại mà án sơ thẩm buộc các bị cáo trả cho từng bị hại là đúng, tuy nhiên khi cộng lại tổng số tiền bị cáo Nguyễn Văn Thích và bị cáo Nguyễn Hoàng Nam còn phải bồi thường là chưa chính xác dẫn đến sai sót về án phí. Tuy không có kháng cáo, kháng nghị nhưng đây chỉ là sai sót về số liệu tính toán nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho phù hợp về số tiền còn lại các bị cáo phải bồi thường cho bị hại như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T1 còn phải bồi thường cho các bị hại số tiền 32.490.150 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng N2 còn phải bồi thường cho các bị hại số tiền 8.966.950 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Hoàng N2 chịu án phí dân sự trên tổng số tiền này. Đối với số tiền bồi thường cho các bị hại của bị cáo Lê Chí H đã nộp khắc phục tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B còn thừa lại 24.000 đồng nhưng án sơ thẩm buộc Chi cục Thi hành án dân sự huyện B trả lại cho bị cáo Hiếu 24.000.000 đồng là so sai sót về số liệu nên cấp phúc thẩm cũng cần điều chỉnh lại cho phù hợp. Do đó, không chấp nhận đề nghị hủy án sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[5] Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: Bị cáo Lê Chí H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền 32.490.150 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng N2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền 8.966.950 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Chí H. Chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2019/HS-ST ngày 24/10/2019 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bạc Liêu

1. Tuyên bố bị cáo Lê Chí H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Chí H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015 buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho người bị hại như sau:

- Bồi thường cho ông Nguyễn Thành L số tiền 5.000.000 đồng, các bị cáo Thích, Tuần, Khánh có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 1.666.600 đồng.

- Bồi thường cho ông Trần Minh D số tiền 6.300.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Tuần có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 2.100.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Đặng Văn Đ3 số tiền 10.500.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Nghĩa, Tuần, Khánh có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 2.100.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Phạm Văn T3 số tiền 9.870.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Tuần có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 3.290.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Nguyễn Chí L1 số tiền 9.600.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Tuần có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 3.200.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Trần Phi D1 số tiền 7.600.000 đồng, bị cáo Linh có trách nhiệm bồi thường.

- Bồi thường cho ông Thái Hồng N số tiền 10.500.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Nghĩa, Nam có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 2.625.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Lâm Quốc V số tiền 14.300.000 đồng, các bị cáo Thích, Nghĩa, Nam, Khánh có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 3.575.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn V1 số tiền 17.600.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Nghĩa, Nam có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 4.400.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Huỳnh Văn T4 số tiền 17.182.500 đồng nhưng ông Thành đã bán tôm bị mất trộm mà bị cáo để lại được 11.850.000 đồng, nên bị cáo Tuần có trách nhiệm bồi thường chênh lệch là 5.332.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Dương Minh T5 số tiền 4.250.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Nghĩa, Nam có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 1.062.500 đồng.

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn L2 số tiền 9.800.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Nghĩa, Nam có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 2.450.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Lâm Văn Ngỗng E số tiền 9.600.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Nghĩa, Nam có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 2.400.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Lâm Văn K1 số tiền 5.000.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Nghĩa, Nam có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 1.250.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Đặng Chí L3 số tiền 13.500.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Nghĩa, Nam có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 3.375.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Lê Minh N3 số tiền 4.000.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Nghĩa, Nam có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 1.000.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Nguyễn Minh T6 số tiền 6.300.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Nghĩa, Nam có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 1.575.000 đồng.

- Bồi thường cho ông Trần Văn P số tiền 1.247.000đ, các bị cáo Thích, Linh, Nghĩa, Nam mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường 311.750 đồng.

- Bồi thường cho ông Nguyễn Chí Đ1 số tiền 10.880.000 đồng, các bị cáo Thích, Linh, Nghĩa, Nam, Hiếu có trách nhiệm bồi thường, mỗi bị cáo 2.176.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo phải bồi thường cho những bị hại như sau: Bị cáo Nguyễn Văn T1 bồi thường 32.490.150 đồng, bị cáo Sơn L bồi thường 40.915.250 đồng, bị cáo Thạch Ngọc N1 bồi thường 28.300.250 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng N2 bồi thường 8.966.950 đồng, bị cáo Thạch T bồi thường 17.688.600 đồng.

Buộc các bị cáo Sơn L, Thạch Ngọc N1, Lê Chí H trả cho bị cáo Nguyễn Văn T1 là 3.200.100 đồng, Trả cho bị cáo Nguyễn Hoàng N là 6.699.900 đồng. Các bị cáo L, N1, H, mỗi bị cáo có trách nhiệm hoàn trả cho bị cáo T1 1.066.700 đồng và bị cáo N2 2.233.300 đồng.

Bị cáo Lê Chí H đã nộp khắc phục số tiền 5.500.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu số 003660 ngày 01/10/2019 và biên lai thu số 003663 ngày 14/10/2019 sau khi đối trừ số tiền bị cáo phải bồi thường cho ông Nguyễn Chí Đ1 là 2.176.000đ, trả cho bị cáo T1 số tiền 1.066.700đ, trả cho bị cáo N2 2.233.300đ còn thừa lại 24.000đ hoàn lại trả cho bị cáo Lê Chí H theo quy định.

Bị cáo Lê Duy K giao nộp số tiền 17.700.000 đồng theo biên lai thu số 003663 ngày 14/10/2019 sau khi đối trừ toàn bộ số tiền bồi thường cho các bị hại là 7.341.600 đồng còn thừa lại 10.358.4000 đồng hoàn trả lại cho bị cáo Lê Duy K theo quy định.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Áp dụng các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Chí H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T1 phải nộp 1.624.500 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng N2 phải nộp 448.000 đồng (bốn trăm bốn mươi tám ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bạc Liêu về hình phạt đối với các bị cáo khác, về xử lý vật chứng, về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Cao Văn Tám

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND H. B (02 bản);
- VKSND H. B (01 bản);
- CQĐT H. B (01 bản);
- Chi cục THA H. B (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Lưu: HS, THS, THCTP.